

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

ThS. **Đậu Anh Tuấn**

Trường Đại học Đà Lạt

Tóm tắt: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng công tác Giáo dục thể chất (GDTC) tại Trường Đại học Đà Lạt, làm cơ sở tác động các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho sinh viên Nhà trường.

Từ khóa: Thực trạng, giáo dục thể chất, chương trình, ngoại khóa, sinh viên, Trường Đại học Đà Lạt.

Abstract: Using the regular methods of scientific research to assess the situation of physical education at the Dalat University, as a basis for the impact solutions to improve the effectiveness of physical education work for students.

Keywords: Situation, physical education, program, extracurricular, students, Dalat University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập được thành lập theo Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở Viện Đại học Đà Lạt, một trường tư thục thành lập trước năm 1975 và bắt đầu đào tạo đại học từ niên khóa 1958 - 1959. Trong suốt quá trình phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, trong đó có môn học GDTC luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm, chú ý. Tuy nhiên, theo nhận định của các giảng viên GDTC tại trường và các cán bộ quản lý, việc phát triển môn học GDTC tại trường vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Đánh giá đúng thực trạng công tác GDTC tại trường là biện pháp quan trọng để có thể tác động các giải pháp nâng phát huy các điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong công tác GDTC tại Trường, tuy nhiên, vấn đề này trên thực tế lại chưa được quan tâm thích đáng.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp quan sát sư phạm, Phương pháp kiểm tra sư phạm và Phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành tại trường đại học Đà Lạt, trên đối tượng 240 sinh viên năm thứ ba tại Trường.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng chương trình môn học Giáo dục thể chất chính khóa tại Trường Đại học Đà Lạt

Chương trình môn học GDTC cho bậc đại học tại trường đại học Đà Lạt được xây dựng trong 3 học kỳ, mỗi học kỳ 30 tiết, trong đó có 2 học kỳ bắt buộc và 1 học kỳ tự chọn. Chương trình GDTC dành cho bậc Cao đẳng được xây dựng trong 2 học kỳ, mỗi học kỳ 30 tiết, trong đó có 1 kỳ tự chọn và 1 kỳ bắt buộc. Cụ thể chương trình được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng chương trình môn học GDTC chính khóa tại Trường Đại học Đà Lạt

TT	Học phần	Tính chất	Tín chỉ	Phân loại tiết				
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Kiểm tra
Bậc đại học								
1	Điền kinh	Bắt buộc	01	30	2	26	0	2
2	Bóng chuyền	Bắt buộc	01	30	2	26	0	2
3	Cầu lông	Tự chọn 1 trong 5 môn	01	30	1	23	4	2
4	Bóng đá		01	30	1	23	4	2
5	Bóng bàn		01	30	1	23	4	2
6	Bóng ném		01	30	1	23	4	2
7	Võ Taekwondo cơ bản		01	30	1	23	4	2
Bậc cao đẳng								
1	Điền kinh	Bắt buộc	01	30	2	26	0	2
2	Cầu lông	Tự chọn 1 trong 5 môn	01	30	1	23	4	2
3	Bóng đá		01	30	1	23	4	2
4	Bóng bàn		01	30	1	23	4	2
5	Bóng ném		01	30	1	23	4	2
6	Võ Taekwondo cơ bản		01	30	1	23	4	2

Qua Bảng 1 cho thấy: Chương trình môn học GDTC cho sinh viên trường Đại học Đà Lạt được xây dựng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Các môn học tự chọn rất đa dạng (Cầu lông, bóng đá, bóng bàn, bóng ném và võ Taekwondo cơ bản) giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với các môn thể thao yêu thích.

Phân bổ chương trình đa dạng, bao gồm các nội dung lý thuyết (1-2 tiết/môn), học thực

hành, kiểm tra và đặc biệt, ở các môn học tự chọn còn có các giáo án tự học (4 tiết/tín chỉ), việc làm này giúp phát triển phong trào tự tập luyện và hoạt động TDTT ngoại khóa trong Trường.

2. Thực trạng đội ngũ giáo viên Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Đà Lạt

Thống kê thực trạng đội ngũ giáo viên GDTC tại Trường Đại học Đà Lạt được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng đội ngũ giáo viên GDTC tại trường Đại học Đà Lạt (n=7)

TT	Họ tên	Chuyên môn	Trình độ	Thâm niên công tác	Ghi chú
01	Trần Quốc Hùng	Bóng chuyền	Tiến sĩ	>10 năm	
02	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Bóng bàn	Thạc sĩ	>5 năm	
03	Phan Bửu Tú	Võ	Thạc sĩ	>10 năm	Đang học NCS
04	Vũ Quang Huy	Bóng bàn	Thạc sĩ	>5 năm	
05	Cai Văn Hòa	Bóng đá	Thạc sĩ	>5 năm	
06	Nguyễn Cao Nguyên	Điền kinh	Thạc sĩ	>10 năm	
07	Đậu Anh Tuấn	Điền kinh	Thạc sĩ	>10 năm	

Qua Bảng 2 cho thấy: Hiện Bộ môn GDTC tại trường có 07 giảng viên GDTC, trong đó có 01 tiến sĩ, 01 NCS tiến sĩ và 05 thạc sĩ, thuộc các chuyên ngành: Điền kinh (2 giáo viên), Bóng bàn (2 giáo viên), Bóng đá (1 giáo viên), bóng chày (1 giáo viên và võ thuật (1 giáo viên). Số lượng và trình độ chuyên môn của giáo viên đảm bảo hoàn thành tốt chương trình GDTC của Nhà trường. Các giáo viên đều có kinh nghiệm phong phú, thâm niên giảng dạy

lớn hơn 5 năm, có 4/7 giáo viên có thâm niên >10 năm.

3. Thực trạng về cơ sở vật chất sân bãi, trang thiết bị dụng cụ tập luyện

Thống kê thực trạng cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện TDTT tại Trường Đại học Đà Lạt thông qua quan sát sự phạm và phỏng vấn trực tiếp các giáo viên bộ môn. Kết quả được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện TDTT tại Trường Đại học Đà Lạt

Cơ sở vật chất	Kết quả thống kê				Ghi chú
	Số lượng	Tốt	Trung bình	Kém	
Nhà thi đấu	01	01	-	-	2.745m ²
Sân bóng chày ngoài trời	02	01	01	-	1.500m ²
Sân bóng đá 11 người	01	01	-	-	16.000m ²
Sân Quần vợt	01	-	01	-	880m ²
Sân tập võ	01	-	01	-	840m ²
Sân Cầu lông	02	-	02	-	Trong Nhà thi đấu
Bàn bóng bàn	05	01	04	-	
Sân bóng chày trong nhà	01	01	-	-	
Sân bóng ném	01	01	-	-	
Sân Điền kinh	01	-	01	-	Sân trường
Hồ cát	01	-	01	-	Nhảy cao và nhảy xa

Qua Bảng 3 cho thấy: Tổng diện tích sân tập luyện TDTT cho sinh viên là 21.965m², số sinh viên chính quy hiện có của trường là 7.302 sinh viên thì bình quân diện tích sân chơi là 3,0m²/1 sinh viên, so với chuẩn quy định là 3,5m² - 4m². Đây là con số tương đối cao so với các trường đại học trong cả nước. Số lượng sân tập đa dạng, đảm bảo giảng dạy các môn thể thao tự chọn và bắt buộc trong chương trình học.

Về chất lượng cơ sở vật chất: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ học tập GDTC tại Trường đều được đánh giá chất lượng ở mức trung bình

trở lên, không có cơ sở vật chất nào bị đánh giá mức độ kém. Đây là một lợi thế về dụng cụ tập luyện tại Trường.

4. Thực trạng hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa tại Trường

Ngoài giảng dạy, khoa thường xuyên lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển thể thao cho sinh viên, cán bộ Nhà trường nhằm đạt thành tích cao trong các giải thi đấu của tỉnh, thành, ngành, khu vực và toàn quốc. Cụ thể, các đội tuyển thể thao sinh viên, cán bộ Trường Đại học Đà Lạt đã đạt những thành tích đáng kể tại các giải thi đấu trong tỉnh, khu vực, toàn quốc như huy chương vàng giải Cờ vua sinh viên

toàn quốc năm 2010 ở nội dung đồng đội nam, nữ phong trào; huy chương vàng giải bóng bàn người giáo viên nhân dân toàn quốc năm 2010 ở nội dung đơn nữ, huy chương bạc giải cúp bóng đá, bóng chuyền học sinh - sinh viên khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên năm 2011, 2012; huy chương đồng giải vô địch cầu lông tỉnh Lâm Đồng năm 2013 ở nội dung đôi nam và đôi nữ, năm 2014 đạt 2 huy chương đồng giải bóng bàn người giáo viên nhân dân toàn quốc. Năm 2015, đạt Huy chương vàng môn bóng chuyền nam; nữ tại Giải Bóng chuyền vô địch tỉnh Lâm Đồng, tham gia Đại hội thể thao sinh viên toàn quốc lần thứ V - 2015. Thành tích: 03 huy chương vàng, 01 huy chương bạc và 03 huy chương đồng. Năm 2016, đạt huy chương đồng môn bóng chuyền nam tại Giải Bóng chuyền vô địch tỉnh Lâm Đồng.

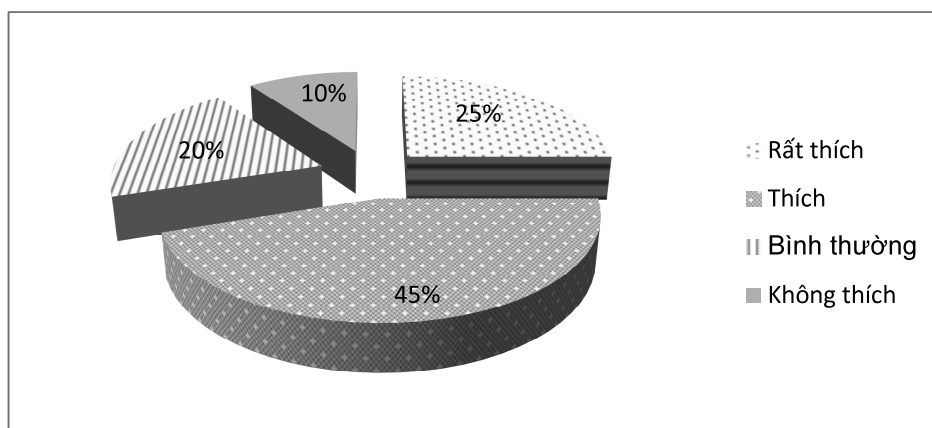
Hàng năm khoa tổ chức các giải thi đấu thể thao truyền thống toàn trường cho sinh viên, tổ chức thi đấu giao lưu giữa các khoa với các đơn vị trong và ngoài trường nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như:

- Giải Bóng chuyền - Cầu lông truyền thống sinh viên toàn trường.

- Hội thao tân sinh viên khóa mới.
- Giải Futsal mở rộng trường Đại học Đà Lạt.
- Hội thao sinh viên toàn trường.
- Hội thao sinh viên nữ toàn trường.

Đồng thời, nhằm thực hiện công tác xã hội hóa TDTT trong trường học theo Nghị định 73/1999/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 19 tháng 8 năm 1999 về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, Khoa GDTC đã tiến hành thành lập các Câu lạc bộ thể thao bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ taekwondo thu hút rất đông sinh viên và cán bộ tham gia trên tinh thần tự nguyện.

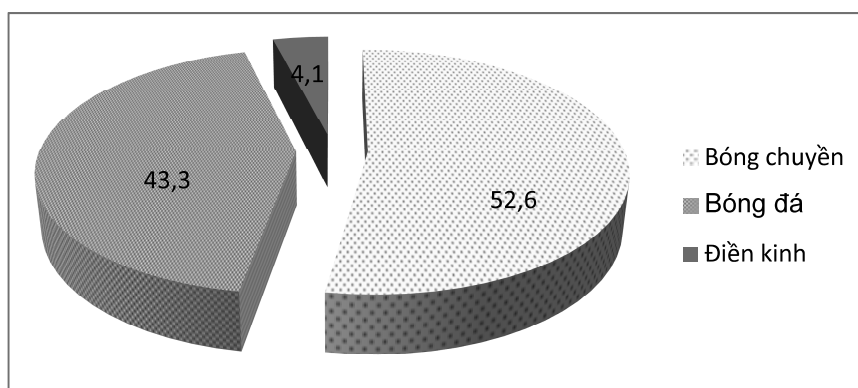
Khảo sát hứng thú của sinh viên về chương trình TDTT ngoại khóa tại trường qua phỏng vấn sinh viên năm thứ 3 tại trường về sự hứng thú đối với chương trình ngoại khóa theo qui định, phát ra 100 phiếu, thu vào 100 phiếu (tỉ lệ 100%). Kết quả khảo sát được trình bày tại biểu đồ 1 với hứng thú chung và biểu đồ 2, hứng thú với từng môn thể thao.



Biểu đồ 1. Hứng thú của sinh viên đối với chương trình ngoại khóa

Qua đó cho thấy thực tế hiện nay có một bộ phận sinh viên chưa hứng thú khi tham các chương trình ngoại khóa của nhà trường, nên chưa quan tâm đúng mức để đem lại hiệu quả cao trong việc nâng cao thể chất, sức khỏe cho bản thân.

Với nội dung chương trình ngoại khóa (Điền kinh, bóng chuyền, Bóng đá) tại trường, kết quả phỏng vấn cho thấy: Thích học nội dung Bóng chuyền, chiếm 52,6%; thích học nội dung Bóng đá, chiếm 43,3% và Thích học nội dung Điền kinh, chiếm 4,1%.



Biểu đồ 2. Thể hiện sự thích thú ở từng nội dung ngoại khóa

Qua bảng phỏng vấn chúng ta thấy rằng nội dung chương trình ngoại khóa môn Bóng chuyền sinh viên hứng thú cao nhất với tỷ lệ 52,6%, chương trình ngoại khóa môn Bóng đá sinh viên hứng thú với tỷ lệ 43,3%, thấp nhất là môn Điền kinh với tỷ lệ 4,1%. Điều đó cho thấy rằng sinh viên trường đại học Đà Lạt đa số hứng thú với môn Bóng chuyền ngoại khóa tuy nhiên (52,6%) cũng phản ánh nhu cầu của sinh viên là có vấn đề còn lại là chuẩn hóa chương trình ngoại khóa môn Bóng chuyền để đem lại hiệu quả cao, chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu mục tiêu của môn

học. Ngoài ra, sau khi tham gia chương trình ngoại khóa môn Bóng chuyền có thể giúp sinh viên có được những kỹ năng cần thiết, đam mê để tiếp tục duy trì tập luyện nâng cao sức khỏe.

5. Thực trạng trình độ thể lực của sinh viên

Để kiểm tra đánh giá thực trạng thể lực, đề tài sử dụng các chỉ tiêu đánh giá trình độ thể lực theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả được trình bày tại Bảng 4.

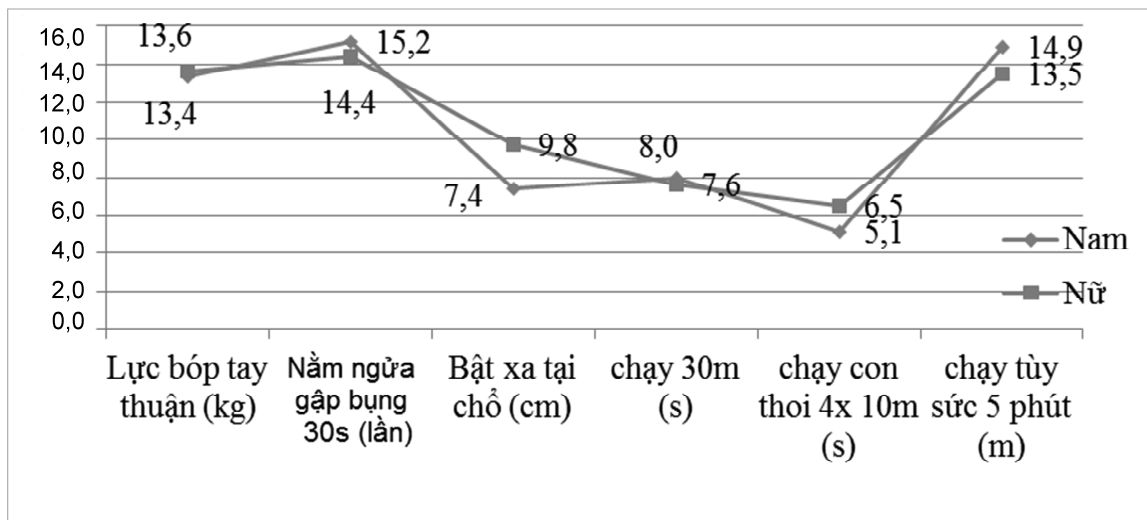
Bảng 4. Thực trạng thể lực sinh viên trường Đại học Đà Lạt (n = 240)

TT	Nội dung các test	Thực trạng			
		TB	δ	Cv%	ε
Nam (n = 120)					
1	Lực bóp tay thuận (kg)	40,8	5,5	13,4	0,04
2	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	18,1	2,8	15,2	0,04
3	Bật xa tại chỗ (cm)	209,5	15,5	7,4	0,02
4	Chạy 30m (s)	5,4	0,4	8,0	0,02
5	Chạy con thoi 4x 10m (s)	12,4	0,6	5,1	0,01
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	865,5	129,1	14,9	0,04
Nữ (n = 120)					
1	Lực bóp thuận tay (kg)	27,1	3,7	13,6	0,04
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	15,3	2,2	14,4	0,04
3	Bật xa tại chỗ (cm)	189,7	18,5	9,8	0,03
4	Chạy 30m xuất phát cao (s)	6,0	0,5	7,6	0,02
5	Chạy thoi 4x10m (s)	12,6	0,8	6,5	0,02
6	Chạy tùy sức 5 phút (s)	753,1	101,8	13,5	0,04

Qua Bảng 4 cho thấy: Trong 6 chỉ tiêu được khảo sát chỉ có 3 chỉ tiêu các số liệu được phân bố khá tập trung xung quanh giá trị trung bình, đó là *Bật xa tại chỗ*; *Chạy con thoi 4x10m*; *Chạy 30m XPC*. Còn lại 3 chỉ tiêu như *Lực bóp tay*; *Nằm ngửa gập bụng*; *Chạy tùy sức 5 phút* thì các số liệu tương đối phân tán ($Cv\% > 10\%$) nhất là chỉ tiêu *Nằm ngửa gập bụng* lại quá

phân tán ở cả nam và nữ. Tuy ở một số chỉ tiêu các số liệu không được tập trung, nhưng các giá trị trung bình của các chỉ tiêu lại có thể đại diện cho số trung bình tổng thể và điều đó được minh chứng thông qua chỉ số $\epsilon < 0,05$.

Tính chất phân bố các số liệu ở các chỉ tiêu của nam, nữ sinh viên trường Đại học Đà Lạt được minh họa ở Bảng 3.



Biểu đồ 3. Hệ số biến thiên của các chỉ tiêu thể lực ở nam và nữ sinh viên trường Đại học Đà Lạt

Đánh giá thể lực theo từng chỉ tiêu theo Bộ Giáo dục và Đào tạo

Song song với việc kiểm tra trình độ thể lực của sinh viên, đề tài tiến hành phân loại trình độ

thể lực của sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo từng chỉ tiêu. Kết quả được trình bày tại Bảng 5.

Bảng 5. Kết quả đánh giá, xếp loại thể lực theo từng chỉ tiêu của sinh viên Trường Đại học Đà Lạt (n = 240)

Xếp loại	Tổ chất thể lực						
	Lực Bóp tay thuận (Kg)	Nằm ngửa gập bụng (Lần)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (s)	Chạy con thoi 4×10m (s)	Chạy tùy sức 5 phút (m)	
Nam sinh viên							
Tốt	n	26	45	39	30	44	22
	%	21,7	37,5	32,5	25,0	36,7	18,3
Đạt	n	61	59	61	65	53	40
	%	50,8	49,2	50,8	54,2	44,2	33,3
Chưa đạt	n	33	16	20	25	23	58
	%	27,5	13,3	16,7	20,8	19,2	48,3

Nữ sinh viên							
Tốt	n	18	36	59	43	35	22
	%	15,0	30,0	49,2	35,8	29,2	18,3
Đạt	n	64	58	53	45	55	39
	%	53,3	48,3	44,2	37,5	45,8	32,5
Chưa đạt	n	38	26	8	32	30	59
	%	31,7	21,7	6,7	26,7	25,0	49,2

Ở chỉ tiêu: *Lực bóp tay thuận (Kg)*: 21,7% sinh viên xếp loại tốt, 50,8% sinh viên xếp loại đạt và 27,5% sinh viên xếp loại chưa đạt, ở *Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)*: 37,5% sinh viên xếp loại tốt, 49,2% sinh viên xếp loại đạt và 13,3% sinh viên xếp loại chưa đạt, ở *Bật xa tại chỗ (cm)*: 32,5% sinh viên xếp loại tốt, 50,8% sinh viên xếp loại đạt và 16,7% sinh viên xếp loại chưa đạt, ở *Chạy 30m XPC (s)*: 25% sinh viên xếp loại tốt, 54,2% sinh viên xếp loại đạt và 20,8% sinh viên xếp loại chưa đạt, ở *Chạy con thoi 4×10m (s)*: 36,7% sinh viên xếp loại tốt, 44,2% sinh viên xếp loại đạt và 19,2% sinh viên xếp loại chưa đạt, ở *Chạy tùy sức 5 phút (m)*: 18,3% sinh viên xếp loại tốt, 33,3% sinh viên xếp loại đạt và 48,3% sinh viên xếp loại chưa đạt.

Kết quả ở Bảng 5 còn cho thấy ở các sinh viên có kết quả đánh giá cao nhất ở chỉ tiêu Nằm ngửa gập bụng (86,7% loại đạt trở lên), chỉ tiêu chạy tùy sức 5 phút (48,3% các sinh viên chưa đạt yêu cầu), nghĩa là sức bền còn hạn chế, chưa đáp ứng với lợi thế của lứa tuổi này, lứa tuổi có điều kiện để phát triển sức mạnh và sức bền.

KẾT LUẬN

1. Chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học Đà Lạt được xây dựng

đúng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC tại Trường là tương đối đầy đủ, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập môn học GDTC tại Trường.

3. Phong trào TDTT ngoại khóa tại trường phát triển mạnh về bề nổi, đạt được nhiều thành tích qua các năm học, tổ chức được nhiều giải thi đấu thể thao toàn trường (5 giải/năm). Tuy nhiên, còn tới 45% số sinh viên được hỏi chưa hứng thú với việc tập luyện TDTT ngoại khóa. Sinh viên chủ yếu thích tập luyện môn Bóng chuyền (tới 52,6% tổng sinh viên được hỏi), sau đó tới Bóng đá (tới 43,3%), môn Điền kinh chiếm tỷ lệ không đáng kể (4,1%).

4. Sinh viên Nhà trường còn chưa đạt tiêu chuẩn thể lực ở nhiều test kiểm tra, trong đó cao nhất ở các test đánh giá sức bền ở cả nam và nữ (chiếm gần 50% số sinh viên được kiểm tra), sau đó tới sức mạnh tay (gần 30% số sinh viên) và sức nhanh (20,8% với nam và 26,7% với nữ). Tỷ lệ sinh viên không đạt trong các test kiểm tra ở nữ cao hơn nam. Chính vì vậy, cần có giải pháp phát triển thể lực cho sinh viên Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT về Ban hành quy định về việc đánh giá xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 72 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định việc tổ chức hoạt động thể thao ngoại khoá cho học sinh, sinh viên hệ chính quy trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.*
4. Lâm Quang Thành, Nguyễn Thành Lâm (2007), *Đo lường Thể thao*, Tài liệu lưu hành nội bộ.